TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** TỈNH LÂM ĐỒNG Bản án số: 15/2025/HNGĐ - ST Ngày: 21-4-2025. V/v: "Tranh chấp ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Phúc**
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Nguyễn Thị Xuân Hoa**
2. Ông **Đinh Hữu Luynh**

- Thư ký phiên tòa*:* Ông **Vũ Minh Tiến** - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương*** *tham gia phiên tòa*: Ông **Trần Văn Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-ST ngày 17 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương N, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Số C, tổ A, tổ dân phố L, thị trấn D, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Thái Anh P, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Số I H, tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07 tháng 10 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương N trình bày:

Chị và anh Thái Anh P tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, về chung sống thực tế với nhau từ năm 2009. Đến năm 2010 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D ngày 11/01/2010. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn thì sống ở nhà phía vợ ở tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P ham chơi, không chịu chăm lo làm ăn để chăm lo cho gia đình và con cái mà thường xuyên tụ tập bạn bè, thường xuyên bỏ đi và là người chồng không chung thủy, có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác. Trong cuộc sống vợ chồng thì anh không tôn trọng chị. Từ khi mới kết hôn mỗi khi vợ chồng cãi nhau là anh P thường bỏ về nhà mẹ đẻ. Anh đã bỏ đi rất nhiều lần. Năm 2013 khi chị sinh con thứ hai anh P bỏ đi ở với người phụ nữ khác ở Đ trong thời gian khoảng một năm, chị đã tha thứ cho anh. Khi anh P quay về thì vẫn chứng nào tật đó không sửa đổi, vẫn thường xuyên bỏ đi và có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ, vì con nhỏ, chị đã mặc kệ bỏ qua, cố gắng chịu đựng và mong anh thay đổi nhưng anh không những không sửa đổi mà ngược lại anh P lại ghen tuông vô cớ và chửi chị bằng những lời lẽ thô tục và quậy phá cuộc sống của chị khiến chị không thể nào chịu đựng được. Vào tháng 8 năm 2024 chị từng làm đơn xin ly hôn nhưng vì nghĩ đến con cái nên chị muốn cho anh P thêm một cơ hội nữa để sửa đổi, thế nhưng anh P vẫn chứng nào tật ấy.

Chị xác nhận vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 đến nay do anh P bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, không quan tâm gì đến gia đình.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Thái Anh P.

- Về con chung*:*

Chị Nguyễn Thị Phương N xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Thái Nguyễn Nhã U, sinh ngày 02/9/2009 và cháu Thái Nguyễn Nhã Đ, sinh ngày: 07/3/2013. Hiện cháu Nhã U và Nhã Đ đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị Phương N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu anh Thái Anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung:

Chị Nguyễn Thị Phương N xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Thái Anh P đến Tòa án để trình bày lời khai, đối chất, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời gửi Thông báo về việc yêu cầu trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu chứng cứ nhưng anh P vắng mặt, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo cho bị đơn được biết về kết quả phiên họp và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử

vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa của bị đơn quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Phương N và anh Thái Anh P được ly hôn; về con chung: Giao cháu T Nguyễn Nhã U và Thái Nguyễn Nhã Đ cho chị Nguyễn Thị Phương N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Thái Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung các bên không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương N và anh Thái Anh P. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn D, huyện Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Thái Anh P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương N có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N, anh P theo thủ tục chung và dành quyền kháng cáo vắng mặt cho chị N, anh P theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Phương N và anh Thái Anh P đã được Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 004/2010 ngày 11/01/2010, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Phương N và anh Thái Anh P là hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo chị Nguyễn Thị Phương N thì vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2012.

Nguyên nhân là do anh P ham chơi, thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, chơi bời, không tu chí làm ăn để chăm lo cho gia đình, con cái, anh còn là người chồng không chung thủy, có quan hệ tình cảm với nhiều người, không tôn trọng vợ, mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau thường bỏ đi.

Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của các con của chị N và anh P là cháu Nhã U và cháu Nhã Đ cũng như những người thân khác trong gia đình. Cháu Nhã U và cháu N Đan xác nhận thời gian bố mẹ ở chung thường xảy ra cãi nhau, đánh nhau, lý do là anh P thường đi chơi tụ tập tới khuya mới về, trong quá trình chung sống anh P thường bỏ đi nhiều lần. Các cháu Nhã Đ, Nhã U và những người thân khác đều xác nhận anh P là người không chăm lo làm ăn, anh đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ tháng 8 năm 2024 đến nay, không còn chung sống với mấy mẹ con chị N. Đồng thời, căn cứ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 51/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương về việc đình chỉ giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn thụ lý số 134/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/8/2024 giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương N và bị đơn anh Thái Anh P, lý do đình chỉ là người khởi kiện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện chứng tỏ vào khoảng tháng 7 - tháng 8 năm 2024 chị N đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn anh P.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Phương N và anh Thái Anh P là có thật và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khó hàn gắn. Phía anh P, Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần để làm việc, trình bày lời khai, hòa giải nhưng anh không đến, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị N thể hiện sự bỏ mặc hôn nhân, không quan tâm, không tác động, níu kéo chị N trở về chung sống, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị N và anh P được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Phương N xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Thái Nguyễn Nhã U, sinh ngày 02/9/2009 và Thái Nguyễn Nhã Đ, sinh ngày: 07/3/2013. Hiện cháu U đang học lớp 10, cháu Đ đang học lớp 6, cả hai cháu đang do chị Nguyễn Thị Phương N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Phương N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu anh Thái Anh P cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu U và cháu Đ đang được chị Nguyễn Thị Phương N trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Theo trình bày, chị N hiện đang có công việc và thu nhập ổn định, anh P không có công việc, thu nhập ổn định, chị N không thuộc trường hợp không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, Do đó, căn cứ Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu T Nguyễn Nhã U và Thái Nguyễn Nhã Đ cho chị Nguyễn Thị Phương N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, anh Thái Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung:

Theo chị Nguyễn Thị Phương N vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Phương N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy của pháp luật. Anh Thái Anh P không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 220, 227, 228, 238, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương N đối với bị đơn anh Thái Anh P.

Cho chị Nguyễn Thị Phương N và anh Thái Anh P được ly hôn.

Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 004/2010 ngày 11/01/2010 của Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Thái Nguyễn Nhã U, sinh ngày 02/9/2009 và Thái Nguyễn Nhã Đ, sinh ngày: 07/3/2013 cho chị Nguyễn Thị Phương N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Thái Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3.Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Phương N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị Nguyễn Thị Phương N đã nộp theo biên lai thu số 0002781 ngày 02/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Chị Nguyễn Thị Phương N đã nộp đủ án phí. Anh Thái Anh P không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND thị trấn D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phúc